



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2731/TTr-UBND

Điện Biên, ngày 29 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-TTHĐND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 808-TB/TU ngày 19/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương về một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp thứ Mười một, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021- 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; ngày 29/9/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3234/KH-UBND về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; trong đó quy định:

+ Tại điểm c, khoản 6, Điều 5: “Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa

dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chỉ tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: Mức chi cụ thể do HĐND cấp tỉnh quyết định căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, quy mô và thời gian hoạt động của các lớp xóa mù chữ”.

+ Tại khoản 3, Điều 6: “Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”.

+ Tại Khoản 4 Điều 6: “Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, HĐND cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách địa phương”.

- Tại khoản 5, Điều 20, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: “Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Điện Biên còn 11.947/382.316 người (độ tuổi 15-60 tuổi) mù chữ mức độ 1 (chưa học xong lớp 3) chiếm 3,12%; trong đó, nữ mù chữ là 7.966/11.947 người, chiếm 66,7%. Còn 44.470/382.316 người độ tuổi 15-60 mù chữ mức độ 2 (chưa học xong lớp 5), chiếm 11,63%; trong đó, nữ mù chữ là 27.749/44.470 người, chiếm 62,4%. Người dân còn mù chữ đa số nằm trong độ tuổi lao động, có mức thu nhập thấp, gia đình là hộ nghèo, cận nghèo, là phụ nữ sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, tỉnh chưa có quy định nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ, do vậy việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tiếp tục xây dựng xã hội học tập, thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục, góp phần phát triển nguồn nhân lực, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Cụ thể hóa nội dung, mức chi thực hiện nội dung Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC; cụ thể hóa nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính; để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập dự toán sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và hỗ trợ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-TTHĐND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức phản biện xã hội theo Kế hoạch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; tổ chức đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; tổng hợp các ý kiến tham gia, giải trình tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và nội dung giải trình tiếp thu của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp đề thảo luận, thống nhất chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập

giai đoạn 2021-2030”.

- Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Điều 5. Tổ chức thực hiện

- Điều 6. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2.2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 15 đến 60 tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.3. Nội dung chính sách

a) Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

b) Nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(Có phụ lục 1 nội dung, mức chi kèm theo)

2.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Các nội dung chi quy định tại điểm b, d, đ khoản 6, Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết này được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng theo quy định hiện hành.

b) Các nội dung chi còn lại quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của địa phương; nguồn kinh phí do các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp và các nguồn hợp pháp khác.

- UBND tỉnh gửi kèm theo các tài liệu:

(1) Tờ trình số 1555/TTr-SGDĐT ngày 27/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị trình ban hành Nghị Quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(2) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và văn bản tham gia ý kiến của các sở, ngành, địa phương;

(4) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo.

(5) Hồ sơ, tài liệu liên quan.

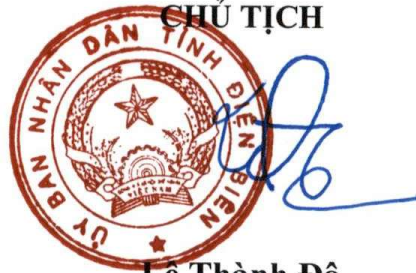
Trên đây là nội dung đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa xã hội - HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư Pháp, Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, TH, KGVX^(VVD).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC 1

Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

(Kèm theo Tờ trình số 413/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT		Mức chi
I. Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”		
	Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm.	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 396/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
1	Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương.	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
2	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng.	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Điện Biên.
3		

4	Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	
a	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Điện Biên Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
b	Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại công nhận các mô hình học tập.	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê cấp quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung khoản 9 Điều 3 và mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê cấp quốc gia.
5	Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng	Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.
6	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	
a	Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục)	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC.
b	Chi hỗ trợ học phẩm đối với học viên tham gia các lớp học xóa mù chữ	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDDT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học

	dân tộc.	<i>Luận giải:</i> Nội dung trên chưa quy định “danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm”. Lý do: Tại điểm b khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC quy định: “UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm hỗ trợ trong phạm vi danh mục hỗ trợ học phẩm đối với cấp THCS quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT”. Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh ban hành, UBND tỉnh sẽ phê duyệt danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm hỗ trợ đối với học viên tham gia các lớp học xóa mù chữ.
c	Hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm (đối với các lớp học xóa mù chữ ban đêm)	Mức chi 75.000 đồng/lớp/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế của lớp xóa mù chữ, hỗ trợ không quá 10 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 và hỗ trợ không quá 09 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2. <i>Cơ sở đề xuất:</i> Căn cứ thực tế mức tiêu thụ điện tại một phòng học: Lượng điện tiêu thụ 01 buổi học tại 01 phòng học 2,4 KW (06 bóng điện 100 W, thấp sáng 4 giờ/buổi học), mỗi buổi học chi trả tiền điện tương ứng 4.000 đồng (2,4 KW x 1.678 đồng), mỗi tháng học 20 buổi, tiền điện thấp sáng của một phòng lớp học trong 01 tháng là: 4.000 đồng x 20 buổi = 80.000 đồng/tháng. Như vậy áp dụng mức chi 75.000 đồng/lớp/tháng là phù hợp với thực tế và tương đồng với mức chi của các tỉnh lân cận.
d	Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập của mỗi lớp học/giai đoạn (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ)	Học bạ học viên: 01 quyển/học viên; Sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục: 01 quyển/lớp; Sổ giáo viên chủ nhiệm 01 quyển/lớp; sổ đầu bài 01 quyển/lớp (Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh).
	Chi mua sách giáo khoa dùng chung (Sách giáo khoa	Trên cơ sở số lượng học viên tham gia học các lớp xóa mù chữ, đơn vị

đ	cho học viên mượn đầu kỳ và thu lại sau khi học xong để sử dụng cho các lớp tiếp theo).	tổ chức lớp học tổ chức mua sắm sách giáo khoa theo quy định, chi theo hóa đơn thực tế phát sinh. Sau khi kết thúc đợt học, giáo viên quản lý lớp học có trách nhiệm thu lại sách giáo khoa đã cho học viên mượn, bảo quản để tiếp tục sử dụng cho các lớp học tiếp theo.
e	Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	Đối với người tham gia thực hiện huy động và duy trì học viên theo học các lớp xóa mù chữ được bồi dưỡng 100.000 đồng/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế của lớp xóa mù chữ, hỗ trợ không quá 10 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 và hỗ trợ không quá 09 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2. Hỗ trợ tối đa 01 người/1 lớp. <i>Cơ sở đề xuất:</i> - Mỗi buổi học công vận động tuyên truyền các học viên tham gia học xóa mù chữ tính bình quân 0,4 giờ, 01 tháng học 20 buổi x 0,4 giờ = 8 giờ. Tính tiền công theo mức tiền lương tối thiểu vùng IV là 15.600 đồng/giờ. 8 giờ x 15.600 đồng = 124.800 đồng/tháng, tính tròn số 100.000 đồng/tháng. Như vậy áp dụng mức chi trên là phù hợp với thực tế của tỉnh và tương đồng với mức chi của các tỉnh lân cận.
g	Hỗ trợ văn phòng phẩm cho Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ cấp huyện, cấp xã hoàn thiện và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm.	- Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ cấp xã: 400.000đồng/năm; - Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ cấp huyện: 600.000đồng/năm. <i>Cơ sở đề xuất:</i> - Ban chỉ đạo PCGD-XMC cấp huyện và cấp xã đều là các thành viên làm nhiệm vụ kiểm nhiệm ở các cơ quan, đơn vị nhà nước, kinh phí chi thường xuyên được giao rất hạn chế, do đó việc hỗ trợ văn phòng

	phẩm cho ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã là rất cần thiết. Mức chi hỗ trợ được tính toán như sau: - Hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp xã gồm: In phiếu, sổ điều tra phổ cập, hoàn thiện báo cáo, các phụ lục biểu...: 03 gram giấy A4 x 90.000đ = 270.000 đồng; 01 gram bìa A4 x 45.000đ = 45.000 đồng; 07 cuộn băng dán giấy x 5000 đ = 35.000 đồng; 10 cái bút bi x 5000đ = 50.000 đ. Tổng cộng: 400.000 đồng. - Hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp huyện: 05 gram giấy A4 x 90.000đ = 450.000 đồng; 01 gram bìa A4 x 45.000đ = 45.000 đồng; 06 cuộn băng dán giấy x 5000 đ = 30.000 đồng; 15 cái bút bi x 5000đ = 75.000đ. Tổng cộng: 600.000 đồng.
h	Chi trả lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập
i	Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực về giảng dạy) Chi trả theo quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Mức chi tiền công giảng dạy theo chế độ lao động hợp đồng ngắn hạn với hệ số lương 1,86 và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành (nếu có). <i>Cơ sở đề xuất:</i> Nếu chi trả tiền công đối với tình nguyện viên tham gia dạy lớp xóa mù chữ theo mức lương tối thiểu vùng (các huyện mở lớp xóa mù chữ thuộc vùng IV) mức lương là 3,25 triệu đồng/người/tháng. Vận dụng thanh toán tiền công giảng dạy theo chế độ lao động hợp

	đồng ngân hạn với hệ số lương 1,86 và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành (nếu có). Tính bằng mức lương bậc 1, trình độ trung cấp đối với giáo viên tiểu học, các khoản phụ cấp dự kiến: khu vực 0,5; ưu đãi 1,86 x 50%, lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng. Tiền công là 4,9 triệu đồng/người/tháng. Như vậy với mức tiền công như trên phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 6 Điều 5 Thông tư 17/2022/TT-BTC quy định: Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học. - Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND.
7	Chi khen thưởng
1	II. Nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên Hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên - Chi hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ: 150.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ không quá 10 tháng/người/chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1, không quá 9 tháng/người/chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2. - Cơ sở đề xuất: Vận dụng mức hỗ trợ cho người dân vùng đồng bào DTTS tham gia học xóa mù chữ như mức hỗ trợ gạo đối với học sinh THPT theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Mức hỗ trợ: Mỗi

người dân tham gia học xóa mù chữ được hỗ trợ bằng tiền mỗi tháng 195.000 đồng, tương đương 15 kg gạo và được hưởng không quá 10 tháng/người/chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1, không quá 9 tháng/người/chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.

Tính theo giá gạo tế thường tại thời điểm tháng 10 năm 2022 theo Báo cáo số 264/BC-STC ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên, Báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 10 năm 2022 tỉnh Điện Biên, 1 kg gạo tế thường giá 13.000 đồng/kg. Hỗ trợ học viên lớp xóa mù: $15 \times 13.000 = 195.000$ đồng/người/tháng.

Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổng thời lượng Chương trình Xóa mù chữ là 1.954 tiết, chia làm 2 giai đoạn: Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 (kỳ 1, 2, 3): tổng thời lượng 1005 tiết (mỗi tiết học 35 phút), tương đương học 10 tháng học liên tục; Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2 (kỳ 4, 5): 949 tiết (mỗi tiết học 35 phút) tương đương 9 tháng học liên tục.

Để phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh, UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ: 150.000 đồng/người/tháng.

Phụ lục 2

KHÁI TOÁN KINH PHÍ

Kèm theo dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Tờ trình số 2734/TTTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Tổng kinh phí thực hiện (A+B)	21.585,7	6.964,7	4.518,4	3.484,7	1.320,4	1.320,4	1.320,4	1.320,4	1.336,4
	Trong đó:									
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiêu dự án 1 - Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng theo quy định hiện hành. Trong đó:	5.044,70	1.911,80	1.903,80	1.229,10					
	+ Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiêu dự án 1 - Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	4.804,48	1.820,76	1.813,14	1.170,57					
	+ Nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng theo quy định hiện hành	240,22	91,04	90,66	58,53					

[illegible]

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
2	Kinh phí tổ chức tại cấp huyện (10 huyện, TX, TP)	48,0	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00
	Số buổi tập huấn (02 buổi)	16,0	2	2	2	2	2	2	2	2
	Thù lao báo cáo viên 1 buổi	2,4	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30
	Cấp tỉnh	8,0	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
3	Kinh phí tổ chức tại cấp tỉnh	8,0	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
	Số buổi tập huấn (02 buổi)	16,0	2	2	2	2	2	2	2	2
	Thù lao báo cáo viên 1 buổi	4,0	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
II	Chi công tác phí kiểm tra, giám sát	2.793,6	347,20	347,20	347,20	347,20	347,20	347,20	347,20	363,20
	Cấp huyện	2.417,6	302,20	302,20	302,20	302,20	302,20	302,20	302,20	302,20
	Cấp tỉnh	376,0	45,00	45,00	45,00	45,00	45,00	45,00	45,00	61,00
1	Công tác phí	1.080,0	135,00	135,00	135,00	135,00	135,00	135,00	135,00	135,00
1.1	Cấp huyện: 10 huyện, TX, TP	720,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0
	Số người tham gia: 3 người	24,0	3	3	3	3	3	3	3	3
	Số ngày kiểm tra: 6 ngày	48,0	6	6	6	6	6	6	6	6
	Kinh phí 1 ngày (tiền tàu xe, ngủ, lưu trú)	4,0	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
1.2	Cấp tỉnh (kiểm tra 3 huyện /1 năm)	360,0	45,0	45,0	45,0	45,0	45,0	45,0	45,0	45,0
	Số người tham gia: 5 người	40,0	5	5	5	5	5	5	5	5
	Số ngày kiểm tra: 2 ngày	48,0	6	6	6	6	6	6	6	6
	Kinh phí 1 ngày (tiền tàu xe, ngủ, lưu trú)	4,0	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
2	Học tập kinh nghiệm các mô hình trong XHHT có hiệu quả (Cấp huyện)	864,0	108,0	108,0	108,0	108,0	108,0	108,0	108,0	108,0
	10 huyện, TX, TP	80,0	10	10	10	10	10	10	10	10
	Số người mỗi huyện tham gia (02 người)	16,0	2	2	2	2	2	2	2	2
	Số ngày đi học tập (6 ngày)	48,0	6	6	6	6	6	6	6	6
	Kinh phí 1 ngày (tiền tàu xe, ngủ, lưu trú)	7,2	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9

[illegible]

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
2	Bồi dưỡng nâng cao năng lực báo cáo viên (Cấp huyện)	361,3	45,160	45,160	45,160	45,160	45,160	45,160	45,160	45,160
	10 huyện, TX, TP (2 ngày/1 huyện)	80,0	10	10	10	10	10	10	10	10
	Báo cáo viên cấp huyện (4 buổi x 0,5 triệu)	160,0	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	Số người tham gia (mỗi trung tâm 2 người)	2.064,0	258	258	258	258	258	258	258	258
	Nước uống (0,01 triệu/người/ngày)	41,3	5,16	5,16	5,16	5,16	5,16	5,16	5,16	5,16
	VPP, trang trí khánh tiết	160,0	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
3	Chi bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cán bộ trung tâm học tập cộng đồng (Cấp huyện)	381,9	47,740	47,740	47,740	47,740	47,740	47,740	47,740	47,740
	10 huyện, TX, TP (2 ngày/1 huyện)	80,0	10	10	10	10	10	10	10	10
	Báo cáo viên cấp huyện (4 buổi x 0,5 triệu)	160,0	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	Số người tham gia (mỗi trung tâm 3 người)	3.096,0	387	387	387	387	387	387	387	387
	Nước uống (0,01 triệu/người/ngày)	61,9	7,74	7,74	7,74	7,74	7,74	7,74	7,74	7,74
	VPP, trang trí khánh tiết	160,0	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
IV	Chi kiểm tra đánh giá, xếp loại mô hình học tập (cấp huyện)	2.389,2	1.427,4	137,4	137,4	137,40	137,40	137,40	137,40	137,40
1	Họp cấp xã 1 lần/năm, 129 trung tâm	619,2	77,40	77,40	77,40	77,40	77,40	77,40	77,40	77,40
	Số người tham gia 15 người/ buổi	120,0	15	15	15	15	15	15	15	15
	chè nước (0,02 triệu/người/buổi)	309,6	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70
	VPP, trang trí khánh tiết	309,6	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70	38,70
2	Họp cấp huyện 1 lần/năm, 10 huyện, TX, TP	480,0	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00	60,00
	Số người tham gia 50 người/ buổi	400,0	50	50	50	50	50	50	50	50
	chè nước (0,02 triệu/người/buổi)	400,0	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00	50,00
	VPP, trang trí khánh tiết	80,0	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Chi điều tra (129 trung tâm)	1.290,0	1.290							

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Mức chi cấp huyện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 109/2016/TT-BTC	1.290,0	1.290							
V	Chi tiền thấp sáng, tài liệu (cấp huyện)	5.345,8	668,22	668,22	668,22	668,22	668,22	668,22	668,22	668,22
1	Dầu đèn (mức chi 0,075 triệu đồng/lớp/tháng) x 20% số lớp dạy ban đêm	185,8	23,22	23,22	23,22	23,22	23,22	23,22	23,22	23,22
2	Tài liệu, VPP, sách giáo khoa.... (5 triệu đồng/1 trung tâm/năm)	5.160,0	645	645	645	645	645	645	645	645
VI	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	4.821,8	2.499,8	1.351,6	970,37	-	-	-	-	-
	Cấp huyện	4.801,8	2.479,8	1.351,6	970,37					
	Cấp tỉnh	20,0	20,00							
1	Chi điều tra	1.087,5	1.087,5							
1.1	Chi phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê (cấp tỉnh) theo mức chi qui định tại Điểm a, khoản 1 Điều 3, Thông tư số 109/2016/TT-BTC	10,0	10,00							
1.2	Chi tổng hợp phân tích đánh giá kết quả điều tra thống kê 10 huyện, TX, TP +1 cấp tỉnh, theo mức chi quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 109/2016/TT-BTC	110,0	110,00							
1.3	Chi tiền công điều tra 10 người/xã x 129 xã x 5 ngày/xã x 0,15 triệu/người/ngày. Mức chi tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư 109/2016/TT-BTC	967,5	968							

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
2	Chi VPP học viên 0,3 triệu/người/khóa	120,9	47,70	47,70	25,50					
	Chi VPP học viên 0,15 triệu/người/khoa	62,0	23,85	23,85	14,25					
	Chi Sách giáo khoa, tài liệu số sách (0,15 triệu/người/lớp)	60,5	23,85	23,85	12,75					
3	Chi tiền thấp sáng (0,075 triệu đồng/lớp/1 tháng)	93,2	36,45	34,43	22,28					
4	Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ cấp xã : Hỗ trợ VPP 0,4 triệu đồng/năm. + 03 gram giấy A4 x 90.000 đ = 270.000 đồng + 01 gram bìa A4 x 45.000 đ= 45.000 đồng + 07 cuộn băng dán giấy x 5000 đ = 35.000 đồng + 10 cái bút bi x 5000 đ = 50.000 đ	154,8	51,60	51,60	51,60					
5	Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ cấp huyện: Hỗ trợ VPP 0,6 triệu đồng/năm + 05 gram giấy A4 x 90.000 đ = 450.000 đồng + 01 gram bìa A4 x 45.000 đ= 45.000 đồng + 06 cuộn băng dán giấy x 5000 đ = 30.000 đồng + 15 cái bút bi x 5000 đ = 75.000 đ	18,0	6,00	6,00	6,00					
6	Chi tuyên truyền huy động học viên XM: Tiền công trường bán 0,1 triệu đồng/tháng. Căn cứ điều kiện thực tế, mức hỗ trợ công tác tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: 30.000 đồng/học viên/giai đoạn, tính trung bình 35 học viên/1 lớp/giai đoạn, mức hỗ trợ là	124,2	48,60	45,90	29,70					

	Nội dung	Tổng số	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	1.050.000 đồng/lớp/giai đoạn									
7	Chi tăng giờ cho giáo viên thuộc biên chế dạy XMC: hệ số lương bình quân 3,33; thâm niên nhà giáo 10%; khu vực 0,5; Mức chi bình quân 18,67 triệu/1gv/1 năm	2.184,4	877,49	821,48	485,42					
8	Chi tiền công giảng dạy đối với tình nguyện viên: Các huyện: Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé, Điện Biên, có sự tham gia của các đồn biên phòng dạy xóa mù chữ; hệ số lương 1,86; khu vực 0,5, ưu đãi nhà giáo 50%; mức chi thù lao 10 tháng/năm bình quân 49,021 triệu đồng	1.033,4	344,47	344,47	344,47					
9	Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Chi tiền ăn mỗi ngày 0,15 triệu đồng, bình quân 1 tháng 4,5 triệu đồng/người/tháng; mức chi 10 tháng : 45 triệu đồng. (chi áp dụng trong trường hợp không bố trí giáo viên trong biên chế giảng dạy)	6.210,0	2.430,0	2.295,0	1.485,0					
	Tiền tàu xe đối với tình nguyện viên: (Áp dụng 1 lượt đi và 1 lượt về cho cả khóa học)	13,8	5,40	5,10	3,30					
10	Tiền thưởng (tính bình quân 30% số lớp mở cả giai đoạn, mức chi 0,45 triệu đồng/người)	5,4			5,40					
B	Khuyến khích học xóa mù chữ	4.875,0	1.834,5	1.846,5	1.194,0	-	-	-	-	-
1	Khuyến khích học xóa mù chữ, mức chi 0,15 triệu đồng/người/tháng x 10 tháng	4.875,0	1.834,5	1.846,5	1.194,0					